

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship G12

Organizer(s) : Chinese Chess Association
 Tournament Director : Sainbayar Tserendorj 4901614
 Chief Arbiter : KK Chan 6000991
 Deputy Chief Arbiter : Liang Zhihua 8600562
 Arbiter : IA Ang, Li 8606870; FA Wang, Xinyue 8603960; FA Lai, Robin 6000431
 Town : Yangjing Juyuan Experimental School, Shanghai, China
 Rating-Ø : 1383
 Date : 2018/08/02 To 2018/08/09

Round 3 on 2018/08/04 at 09:00

Bo.	SNo.	Name	Pts	Res.	Pts		Name	SNo.
1	1	Edithso Samantha	2	0-1	1½		Cai Jinru	3
2	5	Chong Kai Ni Agnes	1½	1-0	1½		Chen Yumeng	8
3	9	Huang Yuen Tung	1	0-1	1		Yin Tingwen	2
4	6	Kang Sohyun	1	0-1	1	WCM	Sun Yucan	4
5	7	Wu Shuang	½	1-0	½		Wang Yuqi	11
6	12	Zhou Zitong	½	1-0	0		Li Manyan	10

Program **Swiss-Manager** developed and copyright © by DI.Heinz Herzog, 1230 Vienna Joh.Teufelg.39-47/7/9,
 Mail:h.herzog@swiss-manager.at,homepage <http://swiss-manager.at>, User:Chinesechessassociation, 2018/07/29
 Details on this tournament can be found on <http://chess-results.com>

第3轮, 第2台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.4 轮次 Round: 3 台次 Board: 2
 白方 White Enkh-Uyaga 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 1199
 黑方 Black Xie Chunging 国籍 Federation 中国 等级分 Rating _____
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

组别 Group
G8

	White	Black
1	e4	e5
2	Kf3	Kc6
3	d4	d6
4	de	f6
5	ed	cd6
6	Kc3	kg e7
7	ce2	a6
8	ce3	Kb4
9	a3	Kc2
10	Qc2	ce5
11	Id1	cd7
12	ke5	Fe
13	Cg4	Qc8
14	Cd7	KPd8
15	Ca4	ke5
16	Cg5	
17		
18		
19		
20		
21		
22		
23		
24		
25		
26		
27		
28		
29		
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Enkh-Uyaga</u>	黑方 Black <u>解淳月</u>
裁判 Arbiter <u>刘白茹</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8.4 轮次 Round: 3 台次 Board: 1
 白方 White: Samantha ^{Edithso} 国籍 Federation: INA 等级分 Rating: 1900
 黑方 Black: Cai Jinru 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: 1566

组别 Group
G12

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	d6	31			61		
2	d4	Nf6	32			62		
3	Nc3	g6	33			63		
4	Bd3	Bg7	34			64		
5	Nf3	0-0	35			65		
6	h3	cb	36			66		
7	Be3	b5	37			67		
8	a3	Bb7	38			68		
9	0-0	a5	39			69		
10	Ne2	Nbd7	40			70		
11	c3	Qc7	41			71		
12	Nf3	Rad8	42			72		
13	Qc1	e5	43			73		
14	Bhb	Bhb	44			74		
15	Qhb	d5	45			75		
16	de	Ne5	46			76		
17	Ne5	Qe5	47			77		
18	f4	Qe7	48			78		
19	e5	Ne8	49			79		
20	Rf3	f5	50			80		
21	h5	Nc7	51					
22	Ne2	c5	52					
23	h5	Qg7	53					
24	Qg5	Ne6	54					
25	Qh4	d4	55					
26	Rg3	c4	56					
27	Bf5	Rf5	57					
28	hb	Qd7	58					
29	Qg4	Kh8	59					
30	Rd1	d3	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
	Cai Jinru

裁判 Arbiter



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



Gen R3 B1
9

日期 Date: 2018-08-04 轮次 Round: 3 台次 Board: 1
 白方 White Samantha Edithso 国籍 Federation Indonesia 等级分 Rating 1900
 黑方 Black Cai Jinru 国籍 Federation China 等级分 Rating _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
G12
女/F

	White	Black
1	e4	d6
2	d4	Nf6
3	Nc3	g6
4	Bd3	Bg7
5	Nf3	0-0
6	h3	c6
7	Be3	b5
8	a3	Bb7
9	0-0	a5
10	Ne2	Nbd7
11	c3	Qc7
12	Ng3	Rd8
13	Qc1	e5
14	Bh6	Bh6
15	Qh6	d5
16	de5	Ne5
17	Ne5	Qe5
18	f4	Qe7
19	e5	Ne8
20	Rf3	f5
21	h4	Nc7
22	Ne2	c5
23	h5	Qg7
24	Qg5	Ne6
25	Qh4	d4
26	Rg3	c4
27	Bf5	Rf5
28	h6	Qd7
29	Qg4	Kh8
30	Rd1	d3

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
	Cai Jinru
裁判 Arbiter	



G12 R3 B2
1-0

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 4.8.18 轮次 Round: 3 台次 Board: white
 白方 White Agnes Chong 国籍 Federation MAS 等级分 Rating _____
 黑方 Black Chen Yumeng 国籍 Federation china 等级分 Rating _____

组别 Group
G12G

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	e6
3	Nf3	Nf6
4	g3	Be7
5	Bg2	o-o
6	o-o	b6
7	Nc3	Bb7
8	b3	Nbd7
9	Bb2	c5
10	axd5	Nxd5
11	Nxd5	Bxd5
12	Rc1	Bf6
13	e3	Rc8
14	Qe2	cxd4
15	Nxd4	Bxg2
16	Kxg2	Rxc1
17	Rxc1	Qa8
18	f3	Rc8
19	Rc2	g6
20	Qd1	Qb7
21	Rd2	Rd8
22	Nxe6	fxe6
23	Bxf6	Nxf6
24	Rxd8	Kg7
25	Qd6	Qf7
26	Rc8	Kh6
27	Rf8	Qg7
28	Qf4	g5
29	Rxf6	Kh5
30	Qg4#	

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
	Chen
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8.4 轮次 Round: 3 台次 Board: 2
 白方 White Agnes Chong 国籍 Federation MAS 等级分 Rating 1499
 黑方 Black Chen Yumeng 国籍 Federation China 等级分 Rating 1394
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group
G12 #

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	e6
3	Nf3	Nf6
4	g3	Be7
5	Bg2	0-0
6	0-0	b6
7	Nc3	Bb7
8	b3	Nbd7
9	Bb2	c5
10	cd	nat
11	nat	Bd5
12	Rc1	Bf6
13	e3	Rc8
14	Re2	cd
15	nd4	Bg2
16	Kg2	Rc1
17	Rc1	Ra8
18	f3	Rc8
19	Rc2	g6
20	Qd1	Qb7
21	Rd2	Rd8
22	Ne6	fe
23	Bf6	Nf6
24	Rd8 Bf8	Kg7
25	Qd6	Qf7
26	Rc8	Kf6
27	Rf8	Qg7
28	Qf4	g5
29	Rf6	Kh7
30	Qg4#	

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
	Chen
裁判 Arbiter	



G12 R2 B3
07

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8.4 轮次 Round: 3 台次 Board: 3 组别 Group: G12
 白方 White: Huang Xien Tung 国籍 Federation: HKG 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: Yin Tingwen 国籍 Federation: China 等级分 Rating: _____
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	c4	c5
2	Nf3	Nc6
3	g3	g6
4	Bg2	Bg7
5	Nc3	d6
6	0-0	e5
7	e3	Nge1
8	Rb1	0-0
9	a3	Beb
10	b3	h6
11	d3	Qd7
12	Re1	Bh3
13	Ne2	Bg2
14	Kg2	g5
15	Bb7	Ngb
16	e4	f5
17	Qd2	f4
18	Nc3	Qf7
19	Qe2	g4
20	Kg1	gf
21	Qf3	Nd4
22	Qg2	fg
23	Ng	Nf3
24	Kf1	Nd2
25	Kg1	Nb1
26	Rb1	ab
27	b4	cb
28	ab	Ne7
29	Rf1	Ncb
30	Ne5	Ne7

	White	Black
31	Ne3	Q5
32	cb	Qb
33	f3	Qb3
34	Qd2	Ra2
35	Nd1	Rc8
36	Qe1	Rb7 Rb2
37	Nb2	Qb2
38	Qb1	Qb1
39	Rb1	123
40	Kf2	Rd3
41	Rb2	Rd4
42	Ke3	Nc0
43	Ra2	Rb4
44	Kf2	Ra4
45	Rb2	b5
46	Kg2	Ra3
47	Rb1	b3
48	Kh3	Nd4
49	f4	ef
50	gf	b2
51	Kg4	Nb5
52	Kh5	Ra1
53	Rd2	Rh1
54	Kg4	Qd2
55	Rf3 Kf3	Kf7
56	Kg4 Kf3	h5
57	Kg3	Re1
58	Kh4	Re4
59	Kh5	Rf4
60	Kg5	Bb5

	White	Black
61	Kh5	Kf6
62	Kh6	Rh4
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Huang Xien Tung	尹婷文
裁判 Arbiter	
[Signature]	



G12 R3 B3
0-1

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018/08/04 轮次 Round: 3 台次 Board: 3 组别 Group: G12S
 白方 White: Huang Yuen^{Tung} 国籍 Federation: HKG 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: Yin Tingwen 国籍 Federation: CHN 等级分 Rating: _____
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	c4	c5
2	Nf3	Ncb
3	g3	gb
4	Bg2	Bg7
5	Nc3	db
6	0-0	e5
7	e3	Nge7 1.29
8	Rb1	0-0
9	a3	Beb 1.28
10	b3	hb 1.26
11	d3	Qd7 1.25
12	Re1	Bh3 1.21
13	Ne2	Bg2 1.20
14	kg2	g5 1.19
15	Bb2	Ngb 1.16
16	e4	f5 1.13
17	Qd2	f4 1.12
18	Nc3	Qf7 1.07
19	Qe2	g4 1.08
20	kg1	gf 1.08
21	Qf3	Nd4 ✓
22	Qg2	fg ✓
23	hg	Nf3 ✓
24	kf1	Nd2 ✓
25	kg1	Nb1 1.07
26	Rb1	ab
27	by	cb
28	ab	Ne7
29	Rf1	Ncb
30	Nds	Ne7

	White	Black
31	Ne3	b5
32	cb	ab 58
33	f3	Qb3 56
34	Qd2	Ra2
35	Nd1	Rc8
36	Qe1	Rb2
37	Nb2	Qb2
38	Qb1	Qb1
39	Qb1	Rc3
40	kf2	Rd3
41	Rb2	Rd4
42	ke3	Ncb
43	Ra2	Rb4
44	kf2	Ra4
45	Rb2	b4
46	kg2	Ra3
47	Rb1	b3
48	kh3	Nd4
49	f4	ef
50	gf	b2
51	kg4	Nb5
52	kh5	Ra1
53	Rb2	Rh1
54	kg4	Bb2
55	kf5	kf7
56	kg4	h5
57	kg3	Re1
58	khy	Re4
59	khs	Rf4
60	k.g5	Be5

	White	Black
61	khs	kfb
62	khb	Rh4#
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
Huang Yuen Tung	尹敬
裁判 Arbiter	
[Signature]	



G12 R3 B4

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.4 轮次 Round: 3 台次 Board: 4
 白方 White: Kang So hyun 国籍 Federation: Korea 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: Sun Yucan 国籍 Federation: China 等级分 Rating: _____

组别 Group
G12

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	c5
2	c3	g6
3	d4	Cxd4
4	Cxd4	d5
5	exd5	Nf6
6	Bb5+	Bd7
7	Bc4	b5
8	Bb3	a5
9	d6	Cxd6
10	Bg5	Bb7
11	Qf3	Nc6
12	Ne2	o-o
13	o-o	h6
14	Bf4	o4
15	Bd1	d5
16	Nbc3	Bg4
17	Qd3	b4
18	Nb5	Nh5
19	Bc3	Qb8
20	Ng3	Bxd1
21	Raxd1	Nf4
22	Bxf4	Qxf4
23	Ne2	Qbb
24	Rc1	Qbb
25	Rc5	Nxd4
26	Rxc5	Qxc2+
27	Qxc2	Rac8
28	Nd6	Rc6
29	Rfd1	b3
30	axb3	Qxb3

	White	Black
31	Rb5	Qc2
32	Qf3	Rc7
33	g3	Bxb2
34	Re1	Rd7
35	Re2	Qc1+
36	kg2	a3
37	Reb	Rxd6
38	Rxf6	Kxf6
39	Rb6+	kg7
40	Rb7	Rf6
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



G12 R3 B5

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 18.8.4 轮次 Round: 3 台次 Board: 5
 白方 White wushuang 国籍 Federation CHN 等级分 Rating _____
 黑方 Black ✓ 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 0

组别 Group
G12F

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31	Ke4	Re7	61		
2	Nf3	Nc6	32	Rc8	Rc8	62		
3	Bb5	Nf6	33	Re8	Ke8	63		
4	d3	Bb4	34	d6	Ke7	64		
5	c3	Ba5	35	Kd5	Kd8	65		
6	Bc6	d6	36	Kc5	Kd7	66		
7	Ne5	Ne5-o-o	37	Kb6	Kc8	67		
8	O-O	Re8	38	f4	g5	68		
9	Nc4	Bb6	39	f5	h5	69		
10	Bg5	h6	40	e6	fe	70		
11	Bh4	Bg4	41	f6	Kd7	71		
12	Qd2	Be6	42	f7	Kd6	72		
13	Nb6	cb	43	f8(Q)	Ke5	73		
14	e5	Ne4	44	Qc5	Kf6	74		
15	Bd8	Nd8	45	Kb7	e5	75		
16	Nd8	Rd8	46	Ka6	b4	76		
17	d4	c5	47	Qb4	Kf5	77		
18	Ne4	cd	48	Qe1	e4	78		
19	Nd6	Re7	49	Qe3	g4	79		
20	cd	Rc7	50	b4	Ke5	80		
21	b3	Bd5	51	b5	Kd6			
22	Rc1	Rc1	52	b6	Kc6			
23	Rc1	Rd7	53	Qe4	Kd6			
24	f3	Bc6	54	b7	Qc7			
25	Kf2	a6	55	b8	Kb8			
26	Ke3	Kf8	56	Qb7#				
27	Nc4	b5	57					
28	Nb6	Re7	58					
29	d5	Bd7	59					
30	Nd7	Rd7	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
	王语琦

裁判 Arbiter



G12 R3 B5

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.08.04 轮次 Round: 3 台次 Board: 5

白方 White Wu Shuang 国籍 Federation China 等级分 Rating 1416

黑方 Black wangyuqi 国籍 Federation China 等级分 Rating 0

组别 Group
G12

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	Bb5	Nf6
4	d3	Bb4
5	c3	Ba5
6	Bcb	dc
7	Ne5	oo
8	oo	Re8
9	Nc4	Bbb
10	Bg5	Nb
11	Bh4	Bg4
12	Qd2	Reb
13	Nbb	cb
14	e5	Nex
15	Bd8	Nd2
16	Nd2	Rad8
17	da	cs
18	Nc4	cd
19	Nd6	Re7
20	cd	Rc7
21	b3	Bg5
22	Rac1	Rc1
23	Rc1	Rd7
24	f3	Bcb
25	Kf2	ab
26	Ke3	Kf8
27	Nc4	hs
28	Nbb	Re8
29	ds	Bd7
30	Nd7	Rd7

	White	Black
31	Ke4	Re7
32	Re8	Re8
33	Re8	kes
34	db	Kd7
35	Kd7	Kd8
36	Kc5	Kd7
37	Kbb	Kc8
38	f4	gs
39	fs	hs
40	eb	fe
41	f6	Kd7
42	f7	Kdb
43	f8/o	Kes
44	Qc5	Kf6
45	Kb7	es
46	Kab	be
47	Qb6	Kfs
48	Qe1	ep
49	Qe3	g10
50	h6	Kes
51	hs	Kdb
52	hb	Kcb
53	Qee	Kdb
54	b7	Kc7
55	b8/o	Kb8
56	Qb7	
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
裁判 Arbiter	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



G12 R3 B

日期 Date: 2018.8.4 轮次 Round: 三 台次 Board: 6

白方 White Zhou Zitong 国籍 Federation China 等级分 Rating _____

黑方 Black Liman yan 国籍 Federation China 等级分 Rating _____

组别 Group

G12

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31	ab	g6	61		
2	Nf3	Nc6	32	Nd5	Re8	62		
3	Bc4	Nf6	33	Nf6	Kf8	63		
4	d3	h6	34	Nes	kes	64		
5	Nc3	Bd4	35	g4	g5	65		
6	Bd7	d6	36	Ke3	Nes	66		
7	Q3	Bas	37	Kfe	Ke7	67		
8	h3	o-o	38	Kg3	f6	68		
9	o-o	a6	39	f4	Nc4	69		
10	Qc1	Res	40	fg	fg	70		
11	Re1	Be6	41	h4	Kf6	71		
12	Ba2	Ba2	42	Rf1	Ke5	72		
13	Ra2	Bc3	43	hg	hg	73		
14	Bc3	d5	44	Rf5	Ke4	74		
15	ed	Nd5	45	Rg5	Nes	75		
16	Res	Nes	46	Rg8	Kd5	76		
17	Nes	Qd6	47	Rc8	c6	77		
18	Nc4	Qg6	48	Rc7	b5	78		
19	Nes	Qf6	49	Ke6	Kh4	79		
20	Ng4	Re1	50	Rf5	Kh5	80		
21	Qe1	Qf5	51	—	Nf3			
22	Qe4	Qe4	52	Kf6	g7			
23	de	Nf4	53	Nes	Kf5			
24	Ra1	Re8	54	Qg5	Ke4			
25	f3	Nee	55	Ret	Kd5			
26	Rf2	Nd4	56	Qes	Kc4			
27	Nes	Re5	57	Qeb	Kc3			
28	Rd1	Nc6	58	Qc6	Kd4			
29	b4	a5	59	Ra7	o			
30	c3	ab	60					

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black

裁判 Arbiter



U12 R3 B+

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8/4 轮次 Round: 3 台次 Board: 6

白方 White 周子彤 国籍 Federation CHN 等级分 Rating _____

黑方 Black 李曼彦 国籍 Federation CHN 等级分 Rating _____

组别 Group
G1.2
女IF

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	d4	Nf6
4	d3	h6
5	Nc3	Bc4
6	Bd2	db
7	a3	Bc5
8	h3	o-o
9	o-o	ab
10	Qc1	Re8
11	Re1	Bc6
12	Ba2	Ba2
13	BRa2	Bc3
14	Bc3	Nd5
15	Bc5	Ne5
16	Ne5	Qb6
17	Nc4	Qg6
18	Ne5	Qf6
19	Ng4	Re1
20	Qe1	Qf5
21	Qe4	Qe4
22	de	Nf4
23	Re1	Re8
24	f3	Ne2
25	Kf2	Nd4
26	Ne3	Re5
27	Re1	Nc6
28	bt	a5
29	c3	ab
30	ab	g6

	White	Black
31	Nd5	Re8
32	Nf6	Qf8
33	Ne8	Ke8
34	g4	Ke3
35	Nc2 Kf2	Ke7
36	Kg3	f6
37	f4	fg
38	fg	h4
39	Kf6	Ke5
40	f4g	hg
41	Rf5	Ke4
42	Rg5	Ne5
43	Kd5	Re8
44	Re7	b5
45	g5	Ke6
46	Ich4	Kf5
47	Kh5	Nf3
48	g6	Kf6
49	g7	Ne5
50	g8	Kf5
51	Qg5	Ke4
52	Re1	Kd5
53	Qe5	Kc4
54	Qe6	Kc5
55	Qc6	Kb4
56	Rb7	Kg4
57	Qb5	Kd3
58	Qb3	#
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>周子彤</u>	黑方 Black <u>李曼彦</u>
------------------------	------------------------

裁判 Arbiter
李曼彦

